

Số: 31/2016/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 16 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%)
phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017,
ổn định đến năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 8899/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017, ổn định đến năm 2020.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Trong trường hợp cần phải bổ sung hoặc sửa đổi các quy định tại Nghị quyết này thì Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để có ý kiến thống nhất thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại cuộc họp gần nhất.

Điều 3. Giám sát thực hiện

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khoá XVII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2016, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và áp dụng cho năm ngân sách từ năm 2017 đến năm 2020. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB) (để kiểm tra);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Sơn

QUY ĐỊNH

**Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia
các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017,
ổn định đến năm 2020**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2016
của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017, ổn định đến năm 2020 theo Luật ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, cơ quan ngang sở, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan khác đóng ở trên địa bàn; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn; các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác lập, phân bổ, chấp hành dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Điều 3. Về phân cấp nguồn thu

1. Các khoản thu ngân sách tỉnh hưởng 100%

a) Thuế giá trị gia tăng (GTGT), Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTDB) hàng hóa dịch vụ sản xuất trong nước của các doanh nghiệp nhà nước (DNNN), Doanh nghiệp Ngoài quốc doanh (NQD) do Cục Thuế quản lý thu; Thu khác về thuế của các DNNN địa phương và doanh nghiệp NQD do Cục Thuế quản lý thu;

b) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

c) Thuế thu nhập cá nhân khấu trừ qua các đơn vị chi trả cấp tỉnh quản lý;

d) Thuế bảo vệ môi trường;

đ) Thuế tài nguyên;

e) Lệ phí môn bài của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp NQD do Cục Thuế quản lý thu;

g) Các khoản phí, lệ phí từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tổ chức thu (trừ các loại phí và lệ phí có qui định riêng);

h) Phí bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải công nghiệp;

- i) Tiền thuê mặt đất, mặt nước. Tiền sử dụng khu vực biên giới đối với trường hợp giao khu vực biên thuộc thẩm quyền cấp quyền giao của tỉnh;
- k) Thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với các trang trại, nông trường;
- l) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa;
- m) Thu hồi vốn ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; các khoản thu khác từ vốn góp của tỉnh;
- n) Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, thu thanh lý tài sản, thu từ các hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;
- o) Thu phạt vi phạm hành chính các khoản thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tổ chức thu (bao gồm cả thu phạt An toàn giao thông);
- p) Đóng góp, viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật;
- q) Thu từ Quỹ dự trữ tài chính tỉnh;
- r) Vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển theo Khoản 6 Điều 7 của Luật NSNN năm 2015;
- s) Thu kết dư ngân sách tỉnh;
- t) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.
- u) Thu cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương;
- v) Thu chuyển nguồn của ngân sách tỉnh từ năm trước chuyển sang.

2. Các khoản phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép trung ương cấp.

3. Các khoản phân chia giữa ngân sách tỉnh với ngân sách các huyện, thành phố, thị xã (cấp huyện), ngân sách các xã, phường, thị trấn (cấp xã)

- a) Thuế GTGT, Thuế TNDN của các Doanh nghiệp NQD (ngoài các đơn vị Cục thuế quản lý thu);
- b) Thuế thu nhập cá nhân khấu trừ qua các đơn vị chi trả cấp huyện quản lý; kế thừa, quà tặng, chuyển nhượng tài sản;... (không bao gồm thuế TNCN đối với các hộ kinh doanh khoán);
- c) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và khai thác khoáng sản;
- d) Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép tỉnh cấp;
- đ) Thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã;
- e) Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tàu thuyền và tài sản khác.

4. Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%

- a) Thuế TTĐB, thu khác về thuế của các doanh nghiệp NQD trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã do Chi cục Thuế quản lý thu;
- b) Lệ phí môn bài các doanh nghiệp NQD do Chi cục Thuế quản lý thu;

c) Các khoản phí, lệ phí do các cơ quan, đơn vị cấp huyện tổ chức thu (trừ các loại phí và lệ phí có qui định riêng);

d) Tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước, thu thanh lý tài sản, thu từ các hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, đơn vị, cấp huyện;

đ) Thu phạt vi phạm hành chính do cấp huyện thực hiện, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị cấp huyện thực hiện (không bao gồm thu phạt An toàn giao thông);

e) Đóng góp, viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách huyện theo quy định của pháp luật;

g) Thu kết dư ngân sách cấp huyện;

h) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật;

i) Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh;

k) Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp huyện từ năm trước chuyển sang.

5. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã.

a) Thuế GTGT từ kinh tế cá thể, hộ gia đình trên địa bàn thành phố Vinh và các thị xã (các huyện còn lại, ngân sách cấp xã hưởng 100%).

b) Thuế thu nhập cá nhân từ các hộ kinh doanh cá thể nộp thuế khoán ổn định trên địa bàn thành phố Vinh và các thị xã (các huyện còn lại, ngân sách cấp xã hưởng 100%);

c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trên địa bàn các xã, phường thuộc thành phố Vinh và các thị xã (các huyện còn lại, ngân sách cấp xã hưởng 100%).

d) Lệ phí trước bạ nhà đất;

e) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt do Ủy ban nhân dân cấp xã thu đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ có sử dụng nước sạch không có đồng hồ đo và nước tự khai thác.

6. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%

a) Thu khác về thuế từ kinh tế cá thể, hộ gia đình;

b) Lệ phí môn bài từ kinh tế cá thể, hộ gia đình;

c) Thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với các hộ gia đình;

d) Thuế GTGT từ kinh tế cá thể, hộ gia đình trên địa bàn các huyện (trừ thành phố Vinh và các thị xã).

đ) Thuế thu nhập cá nhân từ các hộ kinh doanh cá thể nộp thuế khoán ổn định trên địa bàn các huyện (trừ thành phố Vinh và các thị xã);

e) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (đất ở) đối với các xã, thị trấn của các huyện (trừ thành phố Vinh và các thị xã);

g) Các khoản phí, lệ phí do cấp xã tổ chức thu (trừ các loại phí và lệ phí có qui định riêng);

h) Phí Bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt do Ủy ban nhân dân cấp xã thu đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ có sử dụng nước sạch không có đồng hồ đo và nước tự khai thác;

i) Thu tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước, thu thanh lý tài sản thuộc cấp xã quản lý, thu từ các hoạt động sự nghiệp phần nộp ngân sách theo quy định;

k) Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản;

l) Thu phạt vi phạm hành chính, thu khác theo quy định của pháp luật do cấp xã quyết định và tổ chức thu (bao gồm cả thu phạt An toàn giao thông do công an xã xử phạt);

m) Thu đóng góp và viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước trực tiếp cho xã theo quy định;

n) Thu kết dư ngân sách xã;

o) Các khoản thu khác của ngân sách xã theo quy định của pháp luật;

p) Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện;

q) Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang.

7. Các khoản thu ngân sách phân chia cho ngân sách cấp xã theo quy định tại khoản 3, khoản 5, Điều 3 của Nghị quyết này.

Điều 4. Phân cấp nhiệm vụ chi

1. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh

a) Chi đầu tư phát triển

- Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do tỉnh quản lý, bao gồm:

+ Trụ sở các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp, các cơ quan Đảng, Đoàn thể, lực lượng vũ trang cấp tỉnh. Hỗ trợ xây dựng trụ sở cấp huyện, cấp xã;

+ Các cơ sở giáo dục – đào tạo, dạy nghề công lập thuộc tỉnh quản lý; các Trường phổ thông trung học, Trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện và các cơ sở giáo dục – đào tạo khác theo quy định;

+ Các cơ sở y tế công lập gồm: Bệnh viện đa khoa và các bệnh viện chuyên khoa cấp tỉnh; bệnh viện đa khoa khu vực; bệnh viện đa khoa huyện, các trung tâm y tế, đơn vị sự nghiệp y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện; Hỗ trợ xây dựng trạm y tế xã;

+ Kênh thủy lợi cấp I, các công trình thủy lợi đầu mối tỉnh quản lý;

+ Các công trình giao thông tỉnh quản lý;

+ Các công trình kết cấu hạ tầng văn hóa thông tin, trùng tu tôn tạo di tích, bảo tàng và cơ sở hạ tầng phục vụ bảo tồn, phát huy di sản văn hoá phi vật thể; công trình thể dục thể thao, phúc lợi xã hội thuộc cấp tỉnh quản lý;

+ Các công trình thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ, thông tin truyền thông, công nghệ thông tin, tài nguyên và môi trường, công nghiệp, thương mại và cấp, thoát nước;

+ Đầu tư, hỗ trợ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Chi chương trình mục tiêu Quốc gia (vốn đầu tư);

- Chi trả nợ các khoản huy động theo quy định tại khoản 6 Điều 7 của Luật ngân sách nhà nước;

- Chi trả lãi, phí và chi phí khác phát sinh từ các khoản vay theo quy định pháp luật;

- Các khoản chi đầu tư phát triển, chi hỗ trợ đầu tư khác theo quy định.

b) Chi thường xuyên

- Chi sự nghiệp kinh tế:

+ Duy tu, bảo dưỡng sửa chữa cầu đường bộ, đường thủy nội địa do tỉnh quản lý và các công trình giao thông khác;

+ Duy tu bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; chi cho công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư (bao gồm chi phụ cấp hàng tháng cho khuyến nông viên cơ sở); chi khoanh nuôi bảo vệ, phòng chống cháy rừng; bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

+ Các chính sách phát triển Nông nghiệp – nông thôn;

+ Chi sự nghiệp tài nguyên: Chi đo đạc, lập bản đồ địa chính; chi quy hoạch thuộc nhiệm vụ của tỉnh;

+ Chi xúc tiến đầu tư, khuyến công và các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế của tỉnh;

+ Chi trợ giá, trợ cước;

+ Chi phân giới, cắm mốc biên giới trên đất liền;

+ Chi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp kinh tế;

+ Các hoạt động kinh tế khác do ngân sách tỉnh đảm bảo.

- Chi sự nghiệp môi trường:

+ Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường;

+ Hoạt động điều tra cơ bản, khảo sát, báo cáo, cảnh báo, lập dự án, đề án về môi trường;

+ Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của tỉnh;

+ Xây dựng năng lực cảnh báo, dự báo thiên tai và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, bao gồm hỗ trợ trang thiết bị và hoạt động về ứng cứu các sự cố môi trường liên huyện, toàn tỉnh;

+ Hoạt động quản lý chất thải;

+ Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường (bao gồm thu thập, xử lý và trao đổi thông tin); hệ thống thông tin cảnh báo môi trường cộng đồng;

+ Hoạt động nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh;

+ Hỗ trợ Quỹ Bảo vệ môi trường của tỉnh;

+ Hỗ trợ vốn đối ứng các dự án xử lý môi trường, dự án hợp tác Quốc tế về bảo vệ môi trường (nếu có);

+ Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc phạm vi, thẩm quyền cấp tỉnh thực hiện theo quy định pháp luật.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Chi cho các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, các trường dạy nghề dài hạn và ngắn hạn, các hình thức bồi dưỡng, dạy nghề khác; Chi cho các cơ sở giáo dục và các hoạt động giáo dục đào tạo khác do cấp tỉnh quản lý.

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

+ Chi cho công tác khám chữa bệnh; phòng bệnh, y tế xã (bao gồm cả chi phụ cấp hàng tháng cho nhân viên y tế thôn, bản), các đơn vị sự nghiệp y tế khác do tỉnh quản lý;

+ Chi cho công tác dân số và gia đình (bao gồm cả chi phụ cấp hàng tháng cho cán bộ chuyên trách dân số - kế hoạch hoá gia đình ở các xã, phường, thị trấn);

+ Chi công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và phòng chống dịch trên người;

+ Chi quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo;

+ Chi mua thẻ BHYT cho hộ gia đình cận nghèo, học sinh sinh viên, hộ gia đình nông - lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình và các đối tượng khác theo quy định;

+ Các hoạt động sự nghiệp y tế khác.

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ (KH-CN), công nghệ thông tin: Chi cho nghiên cứu khoa học; ứng dụng công nghệ thông tin; ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật; các hoạt động sự nghiệp khoa học công nghệ, công nghệ thông tin khác do tỉnh quản lý;

- Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin, du lịch:

+ Chi cho bảo tồn, phát huy di sản văn hoá phi vật thể, bảo tàng, thư viện, nghiên cứu lịch sử, biểu diễn nghệ thuật, triển lãm;

- + Hỗ trợ chiếu phim; xuất bản sách, báo;
- + Chi nghiên cứu, khảo sát phát triển sản phẩm du lịch, quảng bá, xúc tiến du lịch, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch;
- + Các hoạt động văn hóa, thông tin, du lịch khác do tỉnh quản lý.
- Chi sự nghiệp thể thao: Chi chế độ tiền công, chế độ dinh dưỡng tập trung tập luyện và tập trung thi đấu cho huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; tổ chức và phục vụ các giải thi đấu cấp tỉnh trở lên; các cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác do tỉnh quản lý;
- Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình: Chi cho các nhiệm vụ phát thanh, truyền hình do tỉnh quản lý;
- Chi đảm bảo xã hội: Chi cho các trung tâm, các trại xã hội, chi cứu trợ xã hội, chi phòng chống các tệ nạn xã hội, các hoạt động xã hội khác do tỉnh quản lý;
- Chi đảm bảo hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan Đảng; tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp theo quy định của pháp luật do cấp tỉnh quản lý;
- Các nhiệm vụ về Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách tỉnh thực hiện theo đặc thù của địa phương và quy định của Chính phủ;
- Chi thường xuyên về các chương trình quốc gia, nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu cho cấp tỉnh quản lý;
- Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.
- c) Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính tỉnh;
- d) Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới;
- đ) Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh.

2. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện

- a) Chi đầu tư phát triển
 - Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do huyện quản lý theo phân cấp đầu tư XDCHB hiện hành:
 - + Xây dựng trụ sở các cơ quan hành chính cấp huyện;
 - + Các công trình kết cấu hạ tầng về văn hóa, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình, trùng tu tôn tạo di tích và các công trình phúc lợi xã hội khác thuộc cấp huyện quản lý;
 - + Xây dựng các công trình thủy lợi liên xã, các công trình giao thông liên xã, các dự án đầu tư do cấp huyện phê duyệt chủ trương đầu tư;
 - + Chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông cơ sở, tiểu học, mầm non do cấp huyện phê duyệt chủ trương đầu tư;
 - + Chi trả nợ (bao gồm cả gốc và lãi vay ngân sách cấp trên)

- Hỗ trợ sửa chữa các công trình cấp huyện quản lý trên địa bàn;
- Chi hỗ trợ đầu tư các công trình do cấp xã làm chủ đầu tư;
- Chi đầu tư XD CB khác theo phân cấp đầu tư XD CB hiện hành.

Đối với Thành phố và thị xã ngoài các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển trên còn có nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập các cấp, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác.

b) Chi thường xuyên

- Chi sự nghiệp kinh tế:
 - + Chi quy hoạch và các nhiệm vụ chi phát triển kinh tế thuộc nhiệm vụ chi của cấp huyện;
 - + Hỗ trợ công tác khuyến – nông – lâm – ngư; ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KHCN;
 - + Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính; Duy tu bảo dưỡng các công trình giao thông, thủy lợi do cấp huyện quản lý;
 - + Các hoạt động sự nghiệp kinh tế khác do cấp huyện quản lý theo phân cấp.
- Chi sự nghiệp môi trường:
 - + Tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trên địa bàn;
 - + Thu gom và xử lý vệ sinh rác thải và nước thải tại các bãi chôn lấp rác trên địa bàn huyện, xã;...
 - + Khắc phục ô nhiễm môi trường do khai thác khoáng sản,...;
 - + Chi các hoạt động khác do cấp huyện quản lý theo phân cấp.
- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:
 - + Chi cho giáo dục trung học phổ thông, phổ thông cơ sở, tiểu học, giáo dục mầm non; Trung tâm bồi dưỡng chính trị; Trung tâm giáo dục thường xuyên; dạy nghề do huyện quản lý.
 - + Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn cấp huyện.
- Chi sự nghiệp y tế:
 - + Chi công tác phòng bệnh trên địa bàn.
 - + Công tác phòng chống dịch và vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn.
 - + Mua thẻ Bảo hiểm y tế cho các đối tượng do NSNN đảm bảo (trừ các đối tượng ngân sách tỉnh đã đảm bảo).
- Chi sự nghiệp văn hóa, thể dục thể thao, du lịch, phát thanh truyền hình, chi ứng dụng công nghệ thông tin do cấp huyện quản lý.
- Chi đảm bảo xã hội:

+ Chi trả trợ cấp cho các đối tượng xã hội phân cấp huyện quản lý trên địa bàn (các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ, cựu Thanh niên xung phong, gia đình có 02 con trở lên bị nhiễm chất độc hoá học, ...);

+ Chi thăm hỏi các đối tượng chính sách ngày lễ, tết ngoài các đối tượng đã được Chủ tịch nước tặng quà (các gia đình được tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến không được hưởng các chế độ của nhà nước và con đẻ bị nhiễm chất độc hóa học) và các đối tượng khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

+ Trợ giá cho các hộ thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Các nhiệm vụ chi khác được phân cấp.

- Chi đảm bảo hoạt động của các cơ quan quản lý hành chính; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội, chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp theo quy định của pháp luật do cấp huyện quản lý.

- Công tác quốc phòng – an ninh địa phương:

+ Tổ chức hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và triển khai các nhiệm vụ công tác quốc phòng – an ninh trật tự trên địa bàn;

+ Tổ chức và phối hợp diễn tập khu vực phòng thủ theo quy định;

+ Công tác tuyển, giao quân và đón tiếp quân nhân hoàn thành nghĩa vụ trở về, công tác giáo dục quốc phòng;

+ Chi hỗ trợ hoạt động các Tiểu đội dân quân thường trực;

+ Các huyện có đường biên giới: chi quản lý cột mốc, đường biên giới;

+ Hỗ trợ các hoạt động giữ gìn an ninh và trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy chữa cháy trên địa bàn;

+ Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và các nhiệm vụ khác theo quy định.

- Chi hỗ trợ hoạt động thanh tra nhân dân, ban đại diện người cao tuổi;

- Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

c) Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã;

d) Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp huyện.

3. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

a) Chi đầu tư phát triển

- Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do cấp xã quản lý;

- Trụ sở cơ quan hành chính, các công trình văn hóa – thể thao, xã hội cấp xã quản lý;

- Chi hỗ trợ xây dựng đường giao thông liên thôn, bản; đường giao thông, thủy lợi nội đồng;

- Xây dựng các trường: Trường tiểu học; Trường mầm non; Trạm y tế xã theo phân cấp;

- Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từ nguồn huy động đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho từng dự án theo quy định của pháp luật;

- Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo phân cấp hiện hành.

b) Chi thường xuyên

- Chi sự nghiệp kinh tế:

+ Duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường giao thông, kênh mương do cấp xã quản lý;

+ Hỗ trợ khuyến khích phát triển sự nghiệp kinh tế theo qui định.

- Chi sự nghiệp môi trường:

+ Thu gom, vận chuyển, xử lý, chôn lấp chất thải ở địa bàn cấp xã quản lý.

+ Các nhiệm vụ chi khác được phân cấp.

- Chi sự nghiệp giáo dục: Chi hỗ trợ hoạt động nhà trẻ, mẫu giáo; hỗ trợ các trường trung học cơ sở, trường tiểu học; hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng; hội khuyến học.

- Chi sự nghiệp y tế: hỗ trợ các trạm y tế, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn.

- Chi đảm bảo xã hội:

+ Trợ cấp cho cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130/CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng;

+ Chi thăm hỏi các đối tượng chính sách, trợ giúp đột xuất và các hoạt động khác trên địa bàn xã.

- Chi các hoạt động văn hoá, thông tin, nhà truyền thống, thư viện, nhà văn hoá, đài truyền thanh và các hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục thể thao xã, phường, thị trấn; hỗ trợ công tác vận động toàn dân đoàn kết cụm văn hoá dân cư và chi sự nghiệp văn hoá, xã hội khác do cấp xã quản lý.

- Chi đảm bảo hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Chi hỗ trợ hoạt động thanh tra nhân dân, ban đại diện người cao tuổi, hoạt động cộng đồng dân cư và các hoạt động khác theo quy định.

- Chi nhiệm vụ quân sự, an ninh trật tự:

+ Chi trả chế độ phụ cấp dân quân, tự vệ;

- + Tổ chức hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ; các hoạt động quốc phòng khác trên địa bàn xã;
- + Chi chế độ công an viên, tổ dân phố;
- + Công tác an ninh, trật tự, phòng cháy chữa cháy, an toàn xã hội ở địa phương;
- + Diễn tập khu vực phòng thủ, phòng chống lụt bão, chiến đấu trị an cấp xã theo kế hoạch của cấp tỉnh, huyện;
- + Các xã có đường biên giới: bổ sung thêm nhiệm vụ chi quản lý cột mốc, đường biên giới;
- + Công tác quốc phòng – an ninh trật tự khác;
- Chi sửa chữa thường xuyên, bảo dưỡng các công trình kiến trúc, tài sản, công trình phúc lợi, kết cấu hạ tầng khác do xã quản lý;
- Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

c) Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã.

Điều 5. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017, ổn định đến năm 2020

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách giai đoạn 2017-2020			
		NS Trung ương (%)	NS Tỉnh (%)	NS thành phố, TX, huyện (%)	NS xã phường thị trấn (%)
A	B	1	2	3	4
1	Thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp và tiêu thụ đặc biệt				
1.1	Thu từ DNNN Trung ương, địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp Ngoài quốc doanh do Cục Thuế quản lý thu (không kể thuế GTGT hàng nhập khẩu, hoạt động khai thác dầu khí)		100		
1.2	Thu từ doanh nghiệp Ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế quản lý thu (trừ các đơn vị do Cục Thuế quản lý thu)				
-	Đối với Thành phố Vinh		80	20	

-	Đối với thị xã Cửa Lò		40	60	
-	Đối với các huyện đồng bằng, thị xã Hoàng Mai và Thái Hoà		30	70	
-	Đối với 10 huyện miền núi		20	80	
-	Riêng đối với thuế TTĐB (ngoài các đơn vị do Cục Thuế quản lý thu)			100	
1.3	Thu từ khu vực Ngoài quốc doanh thuộc hộ gia đình, cá thể				
-	Đối với Thành phố Vinh			80	20
-	Đối với thị xã Cửa Lò, Hoàng Mai và Thái Hoà			60	40
-	Đối với các huyện còn lại				100
-	Đối với thuế TTĐB (do Chi cục Thuế quản lý thu)			100	
2	Lệ phí môn bài				
-	DNNN; DN có vốn đầu tư nước ngoài; các cơ sở kinh tế của cơ quan hành chính, sự nghiệp, Đảng, Đoàn thể, lực lượng vũ trang Trung ương và Tỉnh; doanh nghiệp NQD do Cục thuế quản lý thu		100		
-	Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, ...), các cơ sở kinh tế của cơ quan hành chính, sự nghiệp, Đảng, Đoàn thể, lực lượng vũ trang cấp huyện do Chi cục thuế quản lý thu			100	
-	Từ cá nhân, hộ kinh doanh				100
3	Thuế tài nguyên		100		
4	Thu khác về thuế				
-	Các doanh nghiệp nhà nước Trung ương quản lý, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100			
-	Các doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Cục thuế quản lý thu		100		
-	Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Chi cục thuế quản lý thu (Ngoài các đơn vị do Cục thuế quản lý thu)			100	

-	Các hộ gia đình, cá thể kinh doanh				100
5	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		100		
6	Thuế thu nhập cá nhân				
6.1	Khấu trừ qua các đơn vị chi trả tính quản lý		100		
6.2	Khấu trừ qua các đơn vị chi trả cấp huyện quản lý; kế thừa; quà tặng; chuyển nhượng tài sản;...				
-	Đối với Thành phố Vinh, các thị xã Hoàng Mai, Thái Hoà, Cửa Lò		40	60	
-	Đối các huyện còn lại			100	
6.3	Các hộ kinh doanh cá thể nộp thuế khoán ổn định				
-	Đối với Thành phố Vinh, các thị xã Hoàng Mai, Thái Hoà, Cửa Lò			40	60
-	Đối các huyện còn lại				100
7	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thu các hộ sản xuất tại địa bàn xã, thị trấn				100
-	Thu từ các nông trường, trạm, trại nông nghiệp		100		
8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				
-	Đối với các phường thuộc thành phố, thị xã;			30	70
-	Đối với các xã, thị trấn còn lại				100
9	Tiền sử dụng đất, sau khi đã trừ phần kinh phí GPMB và đầu tư xây dựng hạ tầng				
9.1	Tiền sử dụng đất Các khu đất thuộc Thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò, huyện Nghi Lộc được tỉnh quy hoạch đấu giá, giao đất để tạo nguồn vốn đầu tư những công trình, dự án (tiền sử dụng đất Đại lộ Vinh – Cửa Lò, tiền sử dụng dự án các khu đô thị, khu tái định cư trong Khu kinh tế Đông Nam)		100		

9.2	Các dự án BDS trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã (không bao gồm thị xã Hoàng Mai) nhưng không xác định để đầu tư công trình cụ thể		70	20	10
	Riêng thị xã Hoàng Mai		30	55	15
9.3	Đối với các khu đất để xây dựng Khu đô thị nhưng Chủ đầu tư đồng thời thực hiện các dự án đầu tư xây dựng – chuyển giao (BT)		100		
9.4	Tiền sử dụng đất trừ các khu đất thuộc các điểm 9.1, 9.2, 9.3 nêu trên				
-	Thành phố Vinh		30	50	20
-	Thị xã Cửa Lò		30	55	15
-	Thị xã Thái Hoà		30	40	30
-	Thị xã Hoàng Mai		0	70	30
-	Nam Đàn		0	60	40
-	Các huyện còn lại		35	25	40
9.5	Các trường hợp khác phân chia theo quyết định điều hành riêng của UBND tỉnh				
10	Thuế Bảo vệ môi trường				
-	Thu xăng dầu sản xuất trong nước		100		
-	Thu xăng dầu nhập khẩu	100			
11	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước		100		
12	Tiền đền bù thiệt hại đất				
-	Thu hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất thuộc tỉnh quản lý.		100		
-	Thu hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất thuộc cấp huyện quản lý.			100	
-	Thu hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất thuộc cấp xã quản lý.				100
13	Tiền cho thuê nhà, bán và thanh lý nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
13.1	Nhà ở		100		
13.2	Không phải là nhà ở:				
-	Trung ương quản lý	100			
-	Tỉnh quản lý		100		
-	Cấp huyện quản lý			100	

-	Cấp xã quản lý				100
14	Lệ phí trước bạ				
14.1	Lệ phí trước bạ nhà đất				
-	hành phố Vinh và các thị xã Cửa Lò, Thái Hoà và Hoàng Mai			70	30
-	Các huyện còn lại			50	50
14.2	Lệ phí trước bạ xe máy, ô tô, tàu thuyền và tài sản khác				
-	Thành phố Vinh và các thị xã Cửa Lò, Thái Hoà và Hoàng Mai		40	60	
-	Các huyện còn lại			100	
15	Phí bảo vệ môi trường				
15.1	Đối với nước thải công nghiệp		100		
15.2	Đối với nước thải sinh hoạt				
-	Phần nộp NSNN do Công ty TNHH MTV cấp nước Nghệ An, các cơ sở cung cấp nước sạch khác		50	40	10
-	Phần nộp NSNN đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ có sử dụng nước sạch không có đồng hồ đo và nước tự khai thác				100
15.3	Đối với hoạt động khai thác khoáng sản		50	40	10
16	Cấp quyền khai thác khoáng sản				
-	Giấy phép do Trung ương cấp	70	30		
-	Giấy phép do địa phương cấp		50	40	10
17	Phí, lệ phí (không kể Lệ phí môn bài, Lệ phí trước bạ, Phí bảo vệ môi trường)				
-	Các đơn vị Trung ương tổ chức thu	100			
-	Các đơn vị tỉnh tổ chức thu		100		
-	Các đơn vị thành phố, huyện, thị xã tổ chức thu			100	
-	Các đơn vị Xã, Phường, thị trấn tổ chức thu				100

18	Thu nhập từ vốn góp của ngân sách địa phương, tiền thu hồi vốn của ngân sách địa phương tại các cơ sở kinh tế; Thu từ Quỹ dự trữ tài chính của Tỉnh		100		
19	Tiền sử dụng khu vực biển đối với trường hợp giao khu vực biển thuộc thẩm quyền cấp quyền giao của địa phương		100		
20	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa		100		
21	Viện trợ không hoàn lại các tổ chức, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương theo quy định của pháp luật				
-	Tỉnh		100		
-	Cấp huyện			100	
-	Xã, phường, thị trấn				100
22	Thu từ quỹ đất công, công ích và thu hoa lợi công sản xã, phường, thị trấn quản lý				100
23	Thu sự nghiệp của các đơn vị do địa phương quản lý				
-	Tỉnh		100		
-	Cấp huyện			100	
-	Xã, phường, thị trấn				100
24	Huy động, đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật				
-	Tỉnh		100		
-	Cấp huyện			100	
-	Xã, phường, thị trấn				100
25	Các khoản phạt (trừ thu phạt vi phạm ATGT), tịch thu và thu khác của ngân sách theo quy định của pháp luật (phần thuộc ngân sách nhà nước theo quy định)				
-	Do cơ quan Trung ương xử lý phạt	100			
-	Do cơ quan Tỉnh xử lý phạt		100		
-	Do cơ quan cấp huyện xử lý phạt			100	
-	Do cấp xã, phường, thị trấn xử lý phạt				100

26	Thu phạt vi phạm ATGT			
-	Do cơ quan Trung ương xử lý phạt	100		
-	Do cơ quan cấp Tỉnh xử lý phạt		100	
-	Do công an xã xử lý phạt			100
27	Thu kết dư ngân sách			
-	Tỉnh		100	
-	Cấp huyện			100
-	Xã, phường, thị trấn			100
28	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			
-	Tỉnh		100	
-	Cấp huyện			100
-	Xã, phường, thị trấn			100
29	Thu chuyển nguồn từ ngân sách địa phương năm trước sang ngân sách địa phương năm sau			
-	Tỉnh		100	
-	Cấp huyện			100
-	Xã, phường, thị trấn			100

Điều 6. Các khoản thu phân chia không thay đổi tỷ lệ phần trăm (%) trong thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017 – 2020.

b

CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Sơn